

HỒ CHÍ MINH

VÀ VIỆC VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN NHẪM ĐỊNH HƯỚNG CHO TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

Lời dẫn

Học tập, tìm hiểu nghiên cứu sự nghiệp cách mạng vẻ vang của lãnh tụ Nguyễn ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh - Danh nhân Văn hoá thế giới, Anh hùng Giải phóng dân tộc Việt Nam, đã, đang là tình cảm, sự mong muốn của nhiều thế hệ cán bộ, đồng bào ta ở trong và ngoài nước. Với lòng khâm phục, kính trọng và biết ơn Người vô hạn, chúng ta hãy ngược dòng thời gian, trở về thời kì khó khăn nhất của lịch sử cách mạng Việt Nam hồi đầu thế kỉ XX, để có dịp hiểu thêm về Tư tưởng Hồ Chí Minh - chân lí Cách mạng của thời đại mới.

Hoàn cảnh lịch sử

Cuối thế kỉ XIX cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp kết thúc. Triều đình phong kiến Nguyễn đầu hàng, kí Hiệp ước Patenôt 6.6.1884. Kết cục bi thảm này làm cho độc lập chủ quyền dân tộc, sau gần 5 thế kỉ được giữ gìn, bảo vệ vững chắc, đã mất vào tay kẻ xâm lược phi nghĩa ngoại bang. Năm 1884 - cột mốc đau thương, đen tối của dân tộc Việt Nam bắt đầu. Lịch sử đất nước và cách mạng Việt Nam từ đây bước vào chặng đường phát triển quanh co, khúc khuỷu, đầy chông gai trở ngại. Chế độ thực dân cũ đã kìm hãm sự phát triển mọi mặt và đẩy các dân tộc Đông Dương chìm đắm trong vũng bùn nô lệ. Quyền lợi của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam đều bị tước đoạt. Đời sống nhân dân khốn cùng dưới hai tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến.

Trong hoàn cảnh đó, "Vấn đề dân tộc" - khôi phục lại độc lập chủ quyền được đặt ra một cách bức thiết. Nó trở thành mối quan tâm đặc biệt, hàng đầu của nhiều lớp người

ThS. **Vy Bích Thụy** - Khoa KHXH&NV

tiến bộ với những lãnh tụ tiêu biểu trong xã hội Việt Nam đương thời:

Phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX do văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo, giải quyết vấn đề dân tộc theo lập trường và hệ tư tưởng phong kiến. Họ giương cao ngọn cờ "Cần Vương cứu quốc", nhưng chế độ phong kiến Việt Nam đang lâm vào cuộc khủng hoảng suy tàn, ngọn cờ cứu nước phong kiến đã lỗi thời nên thất bại của Phong trào Cần Vương là tất yếu.

Cuộc khởi nghĩa Yên Thế do lãnh tụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc theo quan điểm riêng của giai cấp nông dân. Sau gần 30 năm tồn tại (1884-1913), do hạn chế về nhiều mặt cho nên khởi nghĩa Yên Thế thất bại.

Đầu thế kỉ XX, chịu tác động của trào lưu dân chủ tư sản từ bên ngoài dội vào, tầng lớp sĩ phu tiến bộ, tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, tiếp thu hệ tư tưởng mới, hướng Việt Nam đi theo con đường "Văn minh cách mạng". Họ chủ trương "Chấn hưng kinh tế, nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài", tiến hành cuộc Cách mạng Dân chủ tư sản kiểu cũ, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa tư bản. Cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư sản, mặc dù là bước tiến mới, nhưng do còn nhiều hạn chế về tầm nhìn của lãnh đạo, cho nên cũng không tránh khỏi thất bại.

Sự thất bại liên tiếp, nặng nề của Chủ nghĩa yêu nước, chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc theo những khuynh hướng, ý thức hệ, lập trường khác nhau trên đây, đã đưa Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng lãnh đạo cách mạng kéo dài. Cách mạng Việt Nam đang trong tình trạng hoàn toàn bế tắc, mò mẫm trong đêm tối không thấy đường ra bởi thiếu hẳn một giai cấp tiến tiến lãnh đạo, thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn soi đường.

Hoạt động tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.

Sinh ra và lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, thầy giáo Nguyễn Tất Thành tuy rất khâm phục lòng yêu nước, nhiệt tình cách mạng của các bậc tiền bối, nhưng Người không hoàn toàn tán thành con đường cứu nước của họ. Với lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, Người hướng con đường cứu nước sang phương Tây- "cái nôi" của nền Văn minh tư bản chủ nghĩa. Người muốn tìm hiểu sự thật đằng sau khẩu hiệu nổi tiếng "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của người Pháp ẩn dấu điều gì ?

Ngày 5 - 6 - 1911 anh Văn Ba rời Bến cảng Nhà Rồng - Sài Gòn bắt đầu cuộc hành trình cứu nước lâu dài gian khổ ở nước ngoài. Người phải lao động nặng nhọc, chật vật để kiếm sống. Đó là quá trình "Vô sản hoá", bần bĩ, nuôi dưỡng ý chí quyết tâm tìm đường cứu nước, cứu dân của Người.

Từ những phương trời xa lạ, tiếp xúc với đủ mọi hạng người trong các xã hội khác nhau, Người tự đúc kết được những bài học nhận thức quý giá. Đặc biệt, bài học về "Bạn và thù" thấm đậm tinh đoàn kết Quốc tế vô sản cao cả khi nhận ra rằng: Chủ nghĩa đế quốc và giai cấp thống trị ở đâu cũng tàn bạo và phi nghĩa - chúng là kẻ thù, còn nhân dân lao động nghèo khổ là bạn ...

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công làm "chấn động địa cầu". Mặc dù khi đó còn ít hiểu biết về Đảng kiểu mới và Chính quyền Xô viết ở Nga, nhưng Người luôn mong muốn cháy bỏng, khát khao: Tổ quốc Việt Nam và các dân tộc thuộc địa được giải phóng. Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào cách mạng, trở thành lãnh tụ "Hội những người Việt Nam yêu nước" tại Pháp.

Ngày 18 - 6 - 1919 Nguyễn Ái Quốc dùng cảm gửi đến Hội nghị Vecxây "Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam", đòi Chính phủ Pháp phải thực hiện các quyền tự do dân chủ và quyền bình đẳng dân tộc ở Đông Dương. Yêu sách chính đáng của Người, tuy không được bọn đế quốc chấp nhận, nhưng nó trở thành "Quả bom chính trị", gây tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế. Người viết nhiều tác phẩm, bài báo nhằm tố cáo tội ác, vạch trần sự thật

"Khai hoá văn minh" giả dối của bọn thực dân ở thuộc địa trước công luận.

Ngày 17-7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Tác phẩm của Lê nin "Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" đăng trên báo Nhân đạo của Pháp. Luận cương của Lênin đề cập đến những vấn đề thiết thực mà Người đang tìm kiếm, bởi vậy, nó có ý nghĩa to lớn, sâu sắc làm chuyển biến nhận thức của Người. Luận cương giúp Người nhìn rõ hướng đi của cách mạng thuộc địa nói chung và Cách mạng Giải phóng dân tộc Việt Nam nói riêng, khi tìm thấy ở đó con đường cách mạng vô sản theo tấm gương kiệt xuất của Cách mạng Tháng Mười.

Tìm thấy con đường cứu nước - sự kiện này chứng tỏ từ Chủ nghĩa yêu nước truyền thống, Nguyễn Ái Quốc đã sớm đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp nhận hệ tư tưởng vô sản để nhanh chóng vươn lên, trở thành người chiến sĩ Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Người tham gia sáng lập nên Đảng Cộng sản Pháp và bỏ phiếu gia nhập Quốc tế Cộng sản.

Những biến chuyển quan trọng trong năm 1920, trở thành cột mốc đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong sự nghiệp hoạt động cách mạng xuất sắc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài. Cột mốc ở Người là cơ sở, tiền đề vững chắc để tạo dựng nên "Những mốc son lịch sử" của Cách mạng Việt Nam sau này.

Xác lập khuynh hướng vô sản, định hướng cho dân tộc lựa chọn con đường cứu nước:

Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào cách mạng thế giới, Người được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản. Với cương vị mới, Người sáng lập "Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa Pháp", ra báo Người cùng khổ, nhằm tăng cường đoàn kết lực lượng cách mạng thuộc địa, đấu tranh chống kẻ thù chung. Người ra sức truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam và các nước thuộc địa để thức tỉnh lòng yêu nước, tinh thần cách mạng của giai cấp công nông. Người nhận ra: bấy giờ Học thuyết nhiều, Chủ nghĩa nhiều, nhưng Học thuyết chân chính nhất, cách mạng nhất, khoa học và chắc chắn nhất là Học thuyết và Chủ nghĩa Lênin.

Suốt 10 năm liên tục (1920 - 1930), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dày công chuẩn bị đầy đủ

những điều kiện cần thiết về tư tưởng, tổ chức, chính trị, xúc tiến cuộc vận động cho sự thành lập Chính Đảng vô sản ở nước ta. Đặt tiền đề giải quyết cuộc khủng hoảng lãnh đạo cách mạng. Từng bước Người xác lập khuynh hướng vô sản, hướng cách mạng Việt Nam đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, định hướng dứt khoát cho sự lựa chọn của dân tộc: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường Cách mạng vô sản.

Những tác động tích cực của Nguyễn ái Quốc làm cho khuynh hướng vô sản dần dần thắng thế khuynh hướng tư sản trong phong trào cách mạng Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỉ. Giai cấp công nhân Việt Nam trưởng thành, là giai cấp tiên tiến duy nhất trong xã hội - lực lượng tiên phong đấu tranh chống đế quốc, phong kiến. Việt Nam gia nhập cao trào Phương Đông thức tỉnh - điều kiện cho sự thành lập Chính đảng vô sản ở nước ta đã chín muồi.

Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, soạn thảo Cương lĩnh Chính trị đầu tiên.

Đầu năm 1930, được Quốc tế Cộng sản uỷ nhiệm với vai trò cá nhân xuất sắc, lãnh tụ Nguyễn ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Hương Cảng, hợp nhất các Tổ chức Cộng sản trong nước, sáng lập nên Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930.

Đảng ra đời là một tất yếu khách quan, phù hợp quy luật. Đảng là sản phẩm kết hợp chặt chẽ của ba nhân tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin; Phong trào công nhân; Phong trào yêu nước. Các yếu tố này, vốn đã hội tụ đầy đủ trong tư tưởng của lãnh tụ Nguyễn ái Quốc. Chủ nghĩa Mác - Lênin được ví như một chất xúc tác kì diệu, gắn kết phong trào công nhân và phong trào yêu nước, vốn đi theo hai con đường với hai khuynh hướng đối lập nhau, từ khi Đảng ra đời, cùng đi trên con đường Cách mạng vô sản do Người định hướng cho sự lựa chọn của dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, là cột mốc đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử dân tộc và cách mạng Việt Nam, chứng tỏ: giai cấp công nhân nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Nhân sự kiện trọng đại này, Người ra Lời kêu gọi động viên giai cấp công nhân, nông dân, binh lính ...Việt Nam hăng hái gia nhập

và ủng hộ Đảng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Người hiểu rõ: sức mạnh của Đảng là ở đường lối chiến lược, sách lược cách mạng, cho nên đã vận dụng sáng tạo lí luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước nhà để biên soạn Cương lĩnh Chính trị quý giá đầu tiên - Văn kiện quan trọng đầu tiên của Đảng. Người có công bổ sung và làm phong phú thêm kho tàng lí luận cách mạng thuộc địa với những luận điểm cơ bản sau đây:

Phương hướng cách mạng

Đảng chủ trương tiến hành cuộc "Cách mạng phản đế và thổ địa cách mạng" để đi tới xã hội cộng sản. Dưới ánh sáng của lí luận "Cách mạng không ngừng", Người đã gắn liền Cách mạng Dân chủ tư sản kiểu mới với Cách mạng XHCN; sự nghiệp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp: độc lập dân tộc với CNXH. Điều kiện tiên quyết cho cả hai cuộc cách mạng này là Chính Đảng vô sản lãnh đạo và phải thực hiện được liên minh công nông.

Nhiệm vụ, mục tiêu

- **Về chính trị:** Cách mạng tư sản dân quyền có hai nhiệm vụ chiến lược: đánh đế quốc giành độc lập dân tộc; đánh phong kiến phản động giành ruộng đất dân cày. Hai nhiệm vụ Dân tộc - Dân chủ tiến hành đồng thời, song nổi bật, hàng đầu là nhiệm vụ Dân tộc. Sau khi cách mạng thành công, thành lập Chính phủ công nông binh vì chính quyền là mục tiêu cơ bản, hàng đầu của mọi cuộc cách mạng.

Về kinh tế:

Cách mạng tịch thu ruộng đất của đế quốc và phong kiến tay sai, chia cho nông dân. Quốc hữu hoá tài sản của tư bản làm tài sản chung của quốc gia do Chính phủ công nông quản lí. Bãi bỏ sưu thuế cho dân nghèo, mở mang công nghiệp, nông nghiệp...

Động lực cách mạng

Quan triệt quan điểm của Lênin "Cách mạng là sự nghiệp quần chúng", "Cách mạng là ngày hội của nhân dân", Nguyễn ái Quốc nêu rõ: Giai cấp công nông là gốc của cách mạng. Liên minh công nông là nhân tố cơ bản đảm bảo sức mạnh và thắng lợi của cách mạng. Công nông cần phải ra sức tập

hợp bầu bạn cách mạng cho mình gồm tất cả những ai trong xã hội thuộc địa, chưa lộ mặt phản động, kể cả cá nhân những người yêu nước xuất thân từ giai cấp thống trị. Muốn thu phục nhân dân, Đảng phải giác ngộ họ, kiên trì giảng giải lý luận cho dân hiểu, phải bày sách lược cho dân.

Đảng phải luôn luôn nhớ lấy chữ "Đồng" - Đồng tâm, đồng sức, đồng lòng, đồng minh. Cách mạng phải dựa vào dân. Việc gì nhân dân giúp đỡ nhiều thì thắng lợi nhiều... Quan điểm này chính là Tư tưởng chiến lược "Lấy dân làm gốc", xây dựng khối "Đại đoàn kết toàn dân" của Hồ Chí Minh.

Vai trò lãnh đạo của Đảng

Đảng ta là con nôi xuất thân từ nhân dân lao động - là đội ngũ tiên phong duy nhất của giai cấp công nhân. Đảng có vững mạnh, cách mạng mới thành công. Đảng phải lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin làm tư tưởng chỉ đạo, xây dựng nên đường lối chiến lược, sách lược. Đảng không có chủ nghĩa chông chênh nào như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. "Chủ nghĩa" chính là hệ tư tưởng vô sản - cơ sở nền tảng giúp Đảng ta xây dựng lý luận cách mạng. Người nhận thức sâu sắc và quán triệt lời dạy của Lênin: Nếu không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng.

Với sứ mệnh lịch sử to lớn - đại biểu trung thành của nhân dân lao động, vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố cơ bản, hàng đầu, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Đoàn kết quốc tế

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Ai làm cách mạng trong thế giới, đều là đồng chí của dân An Nam. Đã là đồng chí thì phải giúp đỡ nhau, nhưng muốn người ta giúp cho thì trước hết, mình phải tự giúp lấy mình đã. Người ra sức xây dựng, vun trồng mối tình đoàn kết quốc tế cho cách mạng Việt Nam. Phân biệt rạch ròi thực dân thống trị và nhân dân lao động. Từ đó, nhấn mạnh sự đoàn kết giữa Cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa với Cách mạng vô sản chính quốc trên trận tuyến đấu tranh chống kẻ thù chung. Đảng tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của cách mạng thế giới, nhưng

phải nêu cao tinh thần "Tự giải phóng", "Tự lực cánh sinh", dựa vào sức mình là chính, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ nại...

Với những vấn đề cơ bản trên đây, Cương lĩnh Chính trị năm 1930 thể hiện rõ quan điểm, Tư tưởng chiến lược đúng đắn, sáng suốt ngay từ đầu của lãnh tụ Nguyễn ái Quốc. Đường lối cách mạng do Người khởi thảo, hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và nguyện vọng của nhân dân. Nó thật sự là ánh sao sáng dẫn đường, chỉ lối, đoàn kết và tập hợp lực lượng, đưa toàn thể dân tộc ta tiến lên đấu tranh, đánh đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, giành lại độc lập chủ quyền trong Cách mạng Tháng 8 năm 1945.

Kết luận

Nhìn lại tiến trình cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay, với những thắng lợi vĩ đại đã giành được, đều gắn liền với vai trò lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta và Lãnh tụ Hồ Chí Minh. Người là Nhà Chính trị - Nhà Văn hoá - Nhà Tư tưởng - Nhà Chiến lược thiên tài. Ở Người, đã hội tụ và kết tinh cao độ phẩm chất, đạo đức, trí tuệ, khí phách và tâm hồn Việt.

Tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước đã, đang trở thành Di sản Văn hoá quý báu, vô giá, bất hủ, thiêng liêng mà Người để lại cho dân tộc và nhân loại. Việt Nam - Hồ Chí Minh, Thời đại Hồ Chí Minh... đang tạo nên những bước chuyển mình kì diệu của non sông đất nước trong xu thế hội nhập cùng bạn bè bốn phương. Người mãi mãi là niềm tin, niềm kiêu hãnh, tự hào chân chính của mọi thế hệ con Hồng cháu Lạc hôm nay và mai sau. □

Tài liệu tham khảo

Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - những sự kiện*, HN 1987.

Phan Ngọc Liên: *Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm Hồ Chí Minh*, ĐHQGHN 1999.

Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 2, 9, Sự thật, HN 1980.

Nguyễn Anh Thái: *Lịch sử thế giới Hiện đại*, ĐHQGHN 1996.

TỔ CHỨC DA HỘI LỊCH SỬ VỀ MÁC - ENGHEN CHO HỌC SINH LỚP 10 - PTTH

Giảng viên: **Đỗ Thị Bích Liên**

Tổ Sử - Địa, khoa KHXH & NV

Ở trường phổ thông có nhiều hình thức tổ chức dạy học lịch sử. Ngoài việc tiến hành bài học nội khoá - hình thức dạy học lịch sử cơ bản còn có các hoạt động ngoại khoá bổ ích và lý thú. Ngoại khoá lịch sử là một hình thức dạy học đa dạng trong đó học sinh đóng vai trò chủ thể, tích cực nhận thức, khám phá sáng tạo. Hoạt động ngoại khoá có tác dụng tích cực đối với việc giáo dục, giáo dục và phát triển toàn diện học sinh, góp phần quan trọng cùng các bài học trên lớp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ bộ môn. Nội dung hoạt động ngoại khoá rất phong phú, trong đó ngoại khoá về cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật lịch sử phản ánh sự phát triển của xã hội có ý nghĩa đặc biệt đối với học sinh. Nó không chỉ giúp học sinh nắm vững các kiến thức lịch sử đã học trên lớp mà còn giáo dục cho các em lòng tôn kính, ý thức được vai trò của các vĩ nhân đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại.

Mác - Engchen là lãnh tụ của giai cấp vô sản, là những người sáng lập ra Chủ nghĩa xã hội khoa học. Tìm hiểu về cuộc đời và hoạt động của ông là điều cần thiết trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Tấm gương về cuộc đời và sự nghiệp của Mác - Engchen không chỉ giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về con người các lãnh tụ giai cấp vô sản mà còn nắm vững hơn nữa những luận điểm của các ông về cách mạng vô sản, về lý tưởng xã hội chủ nghĩa để vững tin bước vào tương lai.

Hiện nay do quan niệm chưa đúng nên công tác ngoại khoá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông còn nghèo nàn và hiệu quả chưa cao. Hơn nữa chúng ta có thể dễ dàng

nhận thấy một trong những thiếu sót của dạy học lịch sử hiện nay là học sinh có thể biết nhiều, biết rộng nhưng các em lại chưa hiểu sâu về các danh nhân lịch sử. Ngoại khoá về danh nhân lịch sử sẽ giúp các em khắc phục nhược điểm này.

Hình thức hoạt động ngoại khoá rất phong phú nhưng cơ bản và phổ biến nhất là các hình thức: Đọc sách, kể chuyện lịch sử, trao đổi thảo luận, dạ hội lịch sử, tham quan lịch sử, trong đó hoạt động dạ hội lịch sử là hoạt động có tính chất tổng hợp và có thể thu hút một số lượng đông học sinh của trường, lớp tham gia.

Để buổi dạ hội đạt kết quả, trước hết GV lịch sử cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể. Ngay từ đầu năm học GV lịch sử phải báo cáo dự kiến hoạt động ngoại khoá với Ban giám hiệu nhà trường. Khi xây dựng kế hoạch dạ hội với chủ đề "Mác - Engchen: Cuộc đời và sự nghiệp" GV cần căn cứ vào kế hoạch chung, điều kiện cụ thể của nhà trường phổ thông, năng lực của học sinh, tranh thủ ý kiến, sự hợp tác của GV trong và ngoài tổ, đồng thời phải phối hợp tổ chức của Đoàn thanh niên.

Theo suy nghĩ của chúng tôi, nội dung buổi dạ hội bao gồm: Lời khai mạc, báo cáo ngắn gọn về cuộc đời và sự nghiệp, tình bạn giữa Mác - Engchen, diễn một đoạn kịch về "Cuộc gặp gỡ tại Pari" giữa hai ông, nghe kể chuyện về tuổi trẻ, tình bạn giữa Mác - Engchen, các tiết mục văn nghệ ca ngợi Đảng cộng sản và thanh niên..., tổ chức thi hái hoa dân chủ, giải ô chữ cho học sinh lớp 10.

Thực hiện nội dung chương trình GV phải có căn cứ vào khả năng, trình độ của học sinh để phân công chuẩn bị nội dung;

phân công cụ thể vị trí ngồi, tạo điều kiện cho các em chuẩn bị về tinh thần, thái độ, trang phục, trang trí khánh tiết (sân khấu, khẩu hiệu) và cuối cùng là tập luyện các tiết mục văn nghệ hoàn chỉnh trước khi bước vào buổi dạ hội.

Buổi dạ hội "Mác - Engchen : Cuộc đời và sự nghiệp" được tổ chức ở sân khấu của trường với sự góp mặt của thầy cô giáo và học sinh của toàn trường, khách mời, tham gia biểu diễn là học sinh lớp 10.

Thực hiện nội dung chương trình, chúng tôi dự kiến tiến trình buổi dạ hội theo các bước sau:

Mở đầu, một học sinh đồng thời là người dẫn chương trình đọc lời khai mạc có minh họa biểu diễn của gần 30 học sinh lớp 10. Khung cảnh mà các em thực hiện là cùng với sự phát triển thăng trầm của lịch sử, với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là cảnh tương phản giữa khu tư bản sang trọng, lộng lẫy với khu công nhân tối tăm, lụp xụp, đông thời là cảnh lao động của công nhân, lao động của phụ nữ và trẻ em được sử dụng rộng rãi trong điều kiện vất vả, khắc nghiệt. Họ còn bị nạn thất nghiệp đe dọa, sẵn sàng bị hất ra hè phố...Chính vì vậy họ đứng dậy đấu tranh với hình thức sơ khai là phong trào phá máy, đập phá công xưởng nhưng thất bại. Dần dần giai cấp công nhân đấu tranh có ý thức và độc lập hơn nhưng cũng không đi đến thắng lợi vì họ không có một đường lối đấu tranh khoa học và chính xác, chưa có một tổ chức lãnh đạo sáng suốt của giai cấp công nhân. Giữa lúc đó, Mác-Engchen xuất hiện và sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, đưa phong trào công nhân tiến lên. Tư tưởng Mác - Engchen phải chăng được hình thành bởi chính hoàn cảnh lịch sử mà hai ông đang sống cùng với tình yêu thương nhân loại, mong muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Chính phẩm chất cao đẹp đó sẽ thúc giục thế hệ trẻ bằng hành động và tình cảm của mình cố gắng học tập và xây dựng tổ quốc phồn vinh. Đó cũng chính là lý do và linh hồn của buổi dạ hội.

Lời khai mạc như vậy sẽ tạo cho các em sự náo nức, những ấn tượng mạnh mẽ, thu hút sự chú ý và hướng mọi người lên sân khấu. Mỗi người sẽ có những cảm xúc riêng nhưng có lẽ đó chính là sự xúc động như đang được sống vì sự kiện ấy.

Không khí của buổi dạ hội tiếp tục được nâng lên với tiết mục văn nghệ ca ngợi tuổi trẻ. Tốp ca hát bài : " Khát vọng tuổi trẻ" của nhạc sĩ Vũ Hoàng.

Thứ hai là một báo cáo ngắn gọn, xúc tích về thân thế và sự nghiệp của Mác - Engchen do GV lịch sử thể hiện. Báo cáo sẽ giúp các em có thêm tri thức để hiểu một cách hệ thống và đầy đủ hơn về cuộc sống và những cống hiến lớn lao cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế của hai ông. Qua đó khơi dậy trong các em tình cảm kính phục, yêu mến và biết ơn đối với các vị lãnh tụ.

Sau báo cáo có một đoạn kịch ngắn "Gặp gỡ ở Pari" phản ánh thể hiện được tình bạn vĩ đại giữa Mác và Engchen do các em học sinh lớp 10 biểu diễn với một học sinh dẫn chuyện, ba học sinh đóng vai các nhân vật chính: Mác, Gi-en-ny, Engchen và một số em đóng vai phụ. Bởi tình bạn giữa Mác và Engchen đã đi vào lịch sử là một tình bạn vĩ đại và cảm động của giai cấp vô sản quốc tế. Chính tình bạn đó đã tạo nên bước phát triển tuyệt vời cho lịch sử nhân loại.

Thứ ba, buổi dạ hội vui mừng nếu được đón tiếp một giáo viên hay nhà nghiên cứu có trình độ. Tham gia buổi dạ hội này thầy sẽ trực tiếp giao lưu, kể chuyện cho học sinh nghe về thời niên thiếu của Mác - Engchen, đó có thể là câu chuyện: "Thành phố cổ nhất nước Đức", " Hai nhà", "Gia đình Các Mác và gia đình Gi-en-ny", "Nhà kể chuyện tí hon", " Những chiếc chiến thuyền"...Qua đó sẽ giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn về tuổi trẻ và sự nghiệp của những con người thiên tài, thông minh, hăng say tìm hiểu tri thức tiến bộ.

Sau phần nghe kể chuyện là tiết mục đơn ca của học sinh lớp 10 ca ngợi về mái trường nơi các em đang học, thể hiện tình yêu, niềm tự hào sâu sắc và ước muốn được

góp sức mình xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Thứ tư, là phần thi đố vui và các trò chơi lịch sử. Mỗi lớp sẽ cử 3 học sinh tham gia thi đố vui trên sân khấu và phần thi cho khán giả. Ở mỗi phần thi đố vui có hai mục: trả lời câu hỏi và giải đáp ô chữ. Hình thức là hái hoa dân chủ, giải ô chữ với nội dung câu hỏi tìm hiểu về hai ông, qua đó giáo dục lòng kính yêu, biết ơn đối với những lãnh tụ của giai cấp vô sản và rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, tư duy nhanh của học sinh.

Cùng với phần thi của các đội, cần có những câu hỏi cho khán giả. Hoạt động này sẽ làm cho không khí của buổi dạ hội sinh động, sôi nổi hơn, gây hứng thú theo dõi cho học sinh.

Phần thi hái hoa dân chủ và giải ô chữ kéo dài trong khoảng 30 phút, thời gian cho trả lời câu hỏi là 30 giây. Để cho học sinh trả lời tốt phần thi đố vui, giáo viên cần tổ chức cho các em đọc sách trước khi tổ chức dạ hội 2-3 tuần. Giáo viên lập thư mục các cuốn sách cần đọc và hướng dẫn các em đọc, ghi chép.

Buổi dạ hội kết thúc trong không khí náo nức, hoà cùng âm vang bài hát "Nổi vòng tay lớn" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn sẽ để lại ấn tượng khó phai mờ trong tâm trí của giáo viên, học sinh và mọi người đến dự.

Kết hợp với tổ chức dạ hội, chúng ta có thể tiến hành trưng bày triển lãm tranh ảnh về cuộc đời và sự nghiệp, tình bạn của Mác - Engchen. Các tranh ảnh này được bố trí ở hai bên sân khấu của buổi dạ hội để tất cả thầy trò và mọi người cùng xem. Công việc này giúp cho người xem có được những hình ảnh sinh động, chân thực về con người và sự nghiệp của Mác - Engchen - các lãnh tụ cao cấp của giai cấp vô sản, những người đã sáng lập ra Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Tổ chức buổi dạ hội như trên không chỉ có tác dụng đối với học sinh trong trường mà còn ảnh hưởng đến những học sinh ở các trường trong địa bàn. Đây là một biện pháp hiệu quả gắn nhà trường với xã hội. Song để buổi dạ hội thành công, giáo viên lịch sử cần chuẩn bị chu đáo và phát huy hoạt động tích cực của học sinh. Muốn làm tốt công việc này đòi hỏi giáo viên lịch sử phải có trình độ chuyên môn sâu rộng và nắm vững lý luận dạy học, các kỹ năng sư phạm bộ môn, phải yêu nghề.

Tóm lại, tổ chức dạ hội lịch sử về Mác - Engchen cho học sinh lớp 10 - THPT có tác dụng thiết thực đối với việc giáo dục, giáo dục và phát triển học sinh, góp phần thực hiện những mục tiêu dạy học trong nhà trường. Tổ chức dạ hội lịch sử là một hoạt động ngoại khoá thực sự cần thiết, trong điều kiện cho phép giáo viên lịch sử ở trường phổ thông nên thực hiện. □

Tài liệu tham khảo

1. Luật giáo dục - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998.
2. Văn kiện Đại Hội Đảng lần thứ VIII - NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1996
3. Ê.I-Li-i-na, Tuổi trẻ Các Mác- NXB Thanh niên, Hà Nội 1975.
4. Tương Lai, Lê Lu, Bình Minh, Các Mác sức sống mùa xuân - NXB Thanh niên, Hà Nội 1983.
5. Nguyễn Thị Côi, Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử - NXB Đại học sư phạm I, Hà Nội 1995.
6. Vũ Thị Liên, Tổ chức hoạt động ngoại khoá cho học sinh lớp 9 trường THCS Dũng Tiến nhân ngày thành lập Đảng 3-2 và ngày truyền thống quê hương 16 tháng Giêng năm 1995 (Khoá luận tốt nghiệp).
7. Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị, Phương pháp dạy học lịch sử - NXB Giáo dục, Hà Nội 2001.
8. V.I. Lênin, Frídích Angchen tiểu sử - NXB Sự thật, Hà Nội 1978.
9. L.VIT-GÓP IA.XU_KHÔ_TIN, Tình bạn vĩ đại và cảm động - NXB Thanh niên, Hà Nội 1968.

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG PHÁP VÀ KIẾN THỨC TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI

Th.s Trần Văn Thục

Khoa KHXH& NV

Trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam có ba câu chuyện ẩn chứa ý nghĩa răn đời cực hay, đồng thời qua đó, chúng ta cũng có thể rút ra những bài học lý thú đối với người làm công tác nghiên cứu khoa học.

Truyện thứ nhất: *Đèo cày giữa đường* kể về một anh chàng thợ mộc, ai bảo gì cũng nghe theo nên đèo cày để bán mà cái thì to, cái thì nhỏ, cái thật lớn để cày voi, cái lại bé như chiếc đĩa... Và kết quả là tất cả vốn liếng của anh ta đều đi đời nhà ma. Loại người ba phải, không có quan điểm lập trường trong nghiên cứu, hay nói đúng ra là thiếu bản lĩnh khoa học tương tự như vậy thì thật khó tiếp cận được chân lý.

Truyện thứ hai: *Thầy bói xem voi* kể chuyện năm ông thầy bói mù, vì không có kiến thức về loài voi, lại chỉ dùng một phương pháp đơn điệu ("sờ"), nên kết cục con voi hoặc "sun sun như con đĩa", hoặc "chân chẵn như cái đòn càn", hoặc "bè bè như cái quạt thóc", hoặc "sừng sừng như cái cột đình", hoặc "tua tủa như cái chổi sể". Với công việc nghiên cứu khoa học, có quan điểm đúng đắn rồi chưa đủ, người nghiên cứu còn cần phải có kiến thức về đối tượng và phương pháp chuẩn xác nữa. Chính kiến thức "đẻ" ra phương pháp nghiên cứu, nếu không có kiến thức thì dù có sử dụng bất cứ phương pháp nào cũng

là vô nghĩa hoặc chỉ thu được kết quả phiến diện giống như truyện trên mà thôi.

Truyện thứ 3: *Ngón tay Bụt* kể về một anh chàng tiểu phu tên là Tân vào rừng đốn củi. Anh làm cật lực từ sáng đến tối mới được một gánh củi to. Nghĩ cả gánh củi đổi chưa nổi một đấu gạo, thấy đời mình tủi cực quá, anh ôm mặt khóc. Bụt thương tình hiện lên chỉ tay một cái, cả gánh củi biến thành vàng. Nhưng chàng tiểu phu vẫn khóc. Bụt lấy làm lạ gặng hỏi mãi mới biết, anh chàng không lấy gánh củi vàng mà chỉ muốn xin cái "ngón tay Bụt", tức cái bí quyết biến củi thành vàng. Trong nghiên cứu khoa học, phương pháp giống như bí quyết "ngón tay Bụt" dẫn tới thành công, nó có vai trò như chiếc chìa khóa mở cửa kho tàng tri thức, giống câu thần chú: "Vững ơi, mở ra !" của Ali Baba, không có không thể nào mở được kho báu.

Vậy phương pháp là gì ? Xét về phương diện từ nguyên trong tiếng Pháp, từ *methode* (phương pháp) có nguồn gốc ở một từ tiếng Hy Lạp *metaclōs* có nghĩa là "con đường đi tới" (*meta*: đi tới, *clōs*: con đường). Nhà bác học Páplốp (Nga) đã định nghĩa: "Phương pháp là quy luật khách quan được dịch vào trong ý thức con người, được sử dụng một cách tự giác và có kế hoạch như một công cụ giải thích và biến đổi thế giới(1). Bàn về tác dụng của phương

pháp, nhà triết học Bôicon (Anh) nói : “Đi theo đường theo lối sẽ đến trước người không có đường, có lối”(2). Không còn nghi ngờ gì nữa, phương pháp vừa là con đường dẫn đến kiến thức vừa là công cụ, cái chìa khoá để mở cửa kho tàng tri thức, tìm ra những cái mới mẻ đang còn bị ẩn kín trong những “mặt mã” nhất định nào đó.

Nghiên cứu khoa học là “gom lửa của trăm nhà” để “thắp sáng một ngọn đèn mới”. Đề tài khoa học luôn xuất hiện ở ranh giới những cái đã biết và chưa biết, những cái đã có và chưa có. Trong khi đó, “Phương pháp là con đường dựa vào quy luật khách quan để đưa con người tới những mục đích nhất định trong hoạt động nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn(3). Bởi vậy, nhà nghiên cứu phải đặt cho mình nhiệm vụ làm sao tìm ra chính con đường nhận thức đúng để có thể dẫn đến các kết luận thoả đáng và thành tựu khoa học như là chân lý khách quan, tất yếu.

Tài liệu là “không khí thở của nhà khoa học”. Nếu nhà nghiên cứu không có đủ tài liệu và các tri thức cần thiết thì rất dễ dẫn đến những kết luận phiến diện hoặc sai lầm, kiểu “thấy cây mà không thấy rừng”, “thấy núi đã bảo Thái Sơn”, thậm chí “gieo vừng ra ngô”. Trong nghiên cứu, nhà khoa học phải có năng lực xử lý thông tin, trình bày lịch sử vấn đề. Vì vậy, một cái nhìn tinh tường, một quan điểm đúng đắn, biết gạt đục khơi trong, ôn cũ để biết mới, cộng với bản lĩnh khoa học nghiêm túc khi nghiên cứu là cực kỳ cần thiết.

Trong xu thế hội nhập của thế giới ngày nay, nhân loại đang phát triển theo hướng mở. Nền kinh tế tri thức đang đòi hỏi phải có sự phối - kết hợp chặt chẽ:

kiến thức đồng bộ, tư duy tổng hợp, phương pháp liên ngành. Đứng trước một đối tượng cần nghiên cứu, để tìm ra cái mới, nhà khoa học cần thu thập tư liệu, tạo ra một diện mạo hoàn chỉnh, đầy đủ về số lượng và chất lượng, cả về kiến thức lẫn thực tiễn nhằm khái quát được đặc trưng, tính chất, mục tiêu... của đề tài là một yêu cầu có tính bắt buộc. Chính vì thế, một quyết tâm sâu tập, điều tra - thâm nhập và khảo cứu tích cực, một hướng nghiên cứu hệ thống tổng thể, một phương pháp nghiên cứu so sánh, liên ngành... và một cái nhìn mang đậm tính lịch sử - văn hoá - nhân văn đang đặt ra với tất cả các nhà khoa học.

Như vậy, cần phải thấy giữa quan điểm, kiến thức và phương pháp nghiên cứu luôn có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại biện chứng, quá nhấn mạnh mặt nào cũng rất dễ dẫn đến phiến diện và sai lầm. Nếu kiến thức có tiềm năng chuyển hóa thành quan điểm thì quan điểm cũng có giá trị kiến thức. Trong khi đó, quan điểm định ra phương pháp nghiên cứu song phương pháp cũng có giá trị chuyển hóa quan điểm. Lại nữa, phương pháp và kiến thức cũng có quan hệ qua lại. Phương pháp luôn đi liền với nội dung kiến thức, nếu không có kiến thức thì dứt khoát không thể có phương pháp. Ngược lại, phương pháp chính là cái “chìa khoá” để mở cửa kho tàng kiến thức. Nếu nhà nghiên cứu vận dụng một cách hài hoà ba mặt trên, thì rất có thể tạo dựng được một phương pháp luận tối ưu, đang tìm ra những kết luận và thành tựu khoa học đạt tới chân lý khách quan, tất yếu. □

Đạy phương pháp học một hướng đổi mới đào tạo giáo viên sư phạm

Ths. Hà Quế Cường; Ths. Cao Phi Bằng

Khoa Khoa học Tự nhiên

Để phục vụ đúng trọng tâm công cuộc đổi mới phương pháp dạy học, đang diễn ra sôi nổi tại các trường học, các đơn vị giáo dục. Dạy học lấy người học làm trung tâm, phát triển các phương pháp dạy học tích cực, việc tăng cường dạy phương pháp học tập, tự học cho người học là vấn đề cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Để các đồng nghiệp, sinh viên của trường tham khảo và có thể nó là một nguồn trợ giúp cho thiết kế và tổ chức những hoạt động của người học, đặc biệt là tăng cường việc tự học của sinh viên trong quá trình đào tạo.

1. Cốt lõi của việc học là cách học

Việc học không chỉ bắt đầu và kết thúc ở lứa tuổi học đường như quan niệm trước kia. Bởi vì ngày nay tri thức loài người tăng rất nhanh về khối lượng, đổi mới nhanh về chất lượng về nội dung...Dù kéo dài thời gian học trong trường như thế nào cũng không đủ để dùng suốt cuộc đời. Như vậy là phải biết học lấy cách học để "học một biết mười" quan trọng là có thể tiếp tục tự học suốt đời.

Trong thời đại ngày nay, công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng, tạo cho người học có nhiều cơ hội học dưới nhiều hình thức, theo khả năng và điều kiện cho phép. Với trong khối lượng thông tin khổng lồ ngày càng tăng gấp bội ấy làm thế nào để học có kết quả đó là bài toán khó, vậy phải có phương pháp học tập hợp lý.

2. Một chức năng cơ bản của dạy là dạy cách học

Từ lâu các nhà sư phạm đã nhận thức được ý nghĩa của việc dạy phương pháp học. Giáo viên không chỉ truyền thụ tri thức định sẵn mà phải biết định hướng, tổ chức cho học sinh tự lực khám phá tìm ra tri thức mới, giúp cho học sinh không chỉ nắm bắt được nội dung kiến thức mà còn nắm bắt được phương pháp đi tới kiến thức đó.

Dạy phương pháp học ngày nay trở thành một mục tiêu dạy học, mà không chỉ là biện pháp nâng cao kết quả dạy học và càng lên cấp cao càng phải được coi trọng hơn. Tự học là cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học. Để đảm bảo thành công thì phải biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh. Nếu rèn luyện cho người học có được kĩ năng, phương pháp, thói quen, ý chí tự học, biết ứng dụng những điều đã học vào những tình huống mới, biết tự lực phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lí những vấn đề gặp phải sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy tiềm năng vốn có của con người. Vì lẽ đó, ngày nay trong quá trình dạy - học, người ta nhấn mạnh hoạt động học, cố gắng chuyển biến từ học thụ động sang học chủ động, tích cực sáng tạo.

Nhà trường phải chuyển từ kiểu dạy tập trung vào vai trò của giáo viên và hoạt động dạy sang kiểu dạy tập trung vào vai trò của học sinh và hoạt động học, từ cách dạy thông báo đồng loạt sang cách dạy hoạt

động – khám phá. Giáo viên không còn đóng vai trò chính là truyền đạt kiến thức mà là người gợi mở, hướng dẫn tổ chức cố vấn, trọng tài cho các hoạt động tìm tòi, tranh luận của học sinh. Giáo viên giỏi là người biết giúp đỡ học sinh mình tiến bộ nhanh trên con đường học tập tự lực, kết hợp việc giảng dạy tri thức với việc giáo dục giá trị và phát triển tư duy, sử dụng có hiệu quả các phương tiện thiết bị dạy học hiện đại.

3. Dạy phương pháp học phải trở thành một bộ phận quan trọng trong chương trình đào tạo ở trường sư phạm.

Chương trình đào tạo ở các trường sư phạm trước đây chủ yếu tập trung vào chuẩn bị cho người giáo viên tương lai nắm vững hoạt động dạy, chức năng của người dạy, những phương pháp, kỹ năng hoạt động dạy. Dạy và học là hai mặt biện chứng của một quá trình Dạy – Học trong đó hoạt động dạy chỉ đạo hoạt động học. Kiểu dạy “thông báo - đồng loạt” chủ yếu thiên về truyền đạt kiến thức, mặt hoạt động học chưa được quan tâm đúng mức. Tác dụng chỉ đạo hoạt động học bị hạn chế do người dạy thiếu những hiểu biết sâu sắc về hoạt động học. Theo yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của thời đại học liên tục suốt đời. Học là một hoạt động rất phức tạp, vì vậy nhà trường phải có giáo viên chỉ đạo, trực tiếp giúp đỡ học sinh học tập có hiệu quả. Việc dạy học quả là không dễ. Học để làm người, học để hành, học thông minh sáng tạo lại càng không chỉ dựa vào kinh nghiệm cá nhân người dạy. Nghị quyết Trung ương IV khoá VII (01/1993), Trung ương II khoá VIII (12/2006) và được thể chế hoá trong luật giáo dục (12/1998).

Để học tập có năng suất, chất lượng, hiệu quả theo hướng học tích cực, chủ động, sáng tạo... thì chức năng dạy phương pháp học của người giáo viên hết sức cần thiết,

quan trọng. Cách dạy phương pháp học phải là một nội dung không thể thiếu trong vốn kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuẩn bị cho sinh viên các trường sư phạm. Sinh viên không chỉ lo học cách dạy mà còn phải biết học cách học để khi ra trường có thể dạy cách học cho học sinh của mình.

Để đạt điều đó, trong quá trình đào tạo của trường sư phạm phải có những đổi mới tích cực theo hướng tăng cường hoạt động học tập chủ động, sáng tạo của sinh viên. Như vậy định hướng đổi mới cần được quan tâm trong đào tạo ở trường sư phạm là dựa trên nghiên cứu sâu sắc hơn về hoạt động học mà điều chỉnh hoạt động dạy. Chuyển hướng này không chỉ tác động trực tiếp chất lượng, hiệu quả đào tạo của trường sư phạm mà nó có tác dụng dây chuyền đến chất lượng, hiệu quả ở phổ thông và qua đó nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

4. Dạy phương pháp học cho sinh viên sư phạm

a) Kích thích động cơ học tập:

Tích cực trong hoạt động học tập về thực chất là tích cực nhận thức, đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, nỗ lực trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh tri thức. Động cơ học tập đúng tạo ra hứng thú, hứng thú là tiền đề của tự giác. Từ hứng thú và tự giác sẽ sản sinh ra tư duy độc lập. Suy nghĩ độc lập là mầm mống của sự sáng tạo và ngược lại.

Người ta phân biệt động cơ bên trong và động cơ bên ngoài. Những động cơ bắt nguồn từ nhu cầu ham hiểu biết, niềm tin hay sự quan tâm của cá nhân người học đến đối tượng học tập đó là động cơ học tập bên trong. Khi thúc đẩy bởi động cơ bên trong người học ít cần đến sự khuyến khích hay lo bị phạt vì chính hoạt động học và kết quả của nó đã là phần thưởng cao quý. Nghệ thuật dạy học đòi hỏi người dạy phải biết

phát hiện, kích thích, nuôi dưỡng nhu cầu học tập của người học tại các thời điểm khác nhau. Ví dụ trong bài diễn giảng, thay trình bày chi tiết, giảng cặn kẽ mọi nội dung bài học, giáo viên cần biết đặt câu hỏi để làm tăng tính tò mò, sự ham hiểu biết mà sinh viên tưởng mình đã tỏ tường. Hay sự kiểm tra đánh giá, nếu giáo viên biết cách tạo cơ hội cho sinh viên tự đánh giá, thấy được mình đang ở mức độ nào? Từ đó phấn đấu để đạt được mục tiêu đề ra sẽ kích thích động cơ ham học của họ.

b) Xác lập tỉ trọng hợp lý cho hoạt động học ngay trong khâu xây dựng kế hoạch giảng dạy giáo trình.

Khi xây dựng kế hoạch giảng dạy giáo trình không chỉ chú ý tới nội dung hoạt động của giáo viên mà phải thể hiện thích đáng hoạt động học của sinh viên, những việc sinh viên phải làm trước và sau khi nghe giảng không kém phần quan trọng so với việc dự giờ lên lớp. Để sinh viên tập được phương pháp chủ động thì giáo viên cần có tài liệu hướng dẫn học giáo trình mình phụ trách cho sinh viên, nêu rõ cái gì phải đạt được, những gì sinh viên có thể tự đánh giá, tự kiểm tra mức độ đạt được so với mục tiêu đề ra. Nghĩa là giáo viên phải thay đổi cách xây dựng kế hoạch giảng dạy giáo trình.

d) Dạy cách nghe và ghi bài trên lớp.

Dạy sinh viên biết lắng nghe bài với thái độ tích cực, giáo viên có thể dành một phút để sinh viên viết những điều mong đợi khi học bài này, hoặc cuối giờ sẽ có 5 phút để mỗi người sẽ trao đổi ý kiến của mình với người bên cạnh...

Đa số sinh viên thường ghi nguyên văn lời trình bày của giáo viên, nên ghi không kịp và nhớ được rất ít khi kết thúc bài dạy. Do vậy việc dạy cho sinh viên biết lắng nghe để hiểu và tập ghi tóm tắt theo cách

mình đã hiểu. Việc chuyển ngôn ngữ thuyết trình của giáo viên thành ngôn ngữ ghi của sinh viên phải là một quá trình luyện tập được giáo viên chỉ dẫn và có kết quả khi sinh viên đọc trước bài in trong giáo trình trước khi nghe giảng.

e) Dạy sinh viên biết đọc giáo trình và tài liệu tham khảo

Giáo viên nên giao cho họ một vài vấn đề nào đó mà họ phải đọc lướt trước khi nghe giảng hoặc đọc sâu, và kiểm tra kết quả đọc bằng các câu hỏi như tác giả đã viết những gì? Trong tài liệu đó vấn đề gì khó hiểu? Nhận xét gì về cách trình bày?

Nên hướng dẫn sinh viên nâng cao dần năng lực tự đọc như tóm tắt đoạn đã đọc, tìm ra ý chính, tổng hợp nội dung đã đọc nhằm rèn luyện kỹ năng: đọc lướt, cách ghi tóm tắt, cách đặt câu hỏi, gạch chân, đánh dấu những chỗ, ý quan trọng.

g) Dạy cách viết những bài ngắn

Vì viết có ảnh hưởng đến chất lượng học, đặc biệt là đến kiểm tra đánh giá kết quả học. Như vậy giáo viên cần dạy cho sinh viên biết cách viết, từ đoạn ngắn dần đến đoạn dài hơn và cuối cùng là viết luận văn cuối khoá.

Tận dụng bài viết của họ cho các hoạt động trên lớp, thông qua đó giúp họ nâng cao năng lực về mặt này, nhất là kỹ năng sắp xếp, diễn đạt về chủ đề nêu ra. Nó có kết quả tốt khi hoạt động theo nhóm nhỏ 2 - 3 người. Một người trình bày bài viết, người 2 lắng nghe, người 3 nhận xét và được 2 người bổ sung, sau đó quay vòng lần lượt đổi vai nhau.

h) Dạy cho sinh viên cách đặt câu hỏi

Thường sinh viên chỉ quen thụ động trả lời câu hỏi hơn là cách đặt câu hỏi cho mình và cho người khác những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới nội dung bài học mới, nội dung ôn tập...

Biết đặt câu hỏi và trả lời là một kỹ năng học sâu, nhất là những câu hỏi kích thích suy nghĩ sâu sắc, đòi hỏi linh hoạt vận dụng kiến thức đã học. Ví dụ:

Điều gì xảy ra nếu...

Điểm mạnh yếu trong quan niệm này là gì?

Hãy giải thích vì sao?

Tại sao... lại quan trọng?

Không chỉ dạy cho sinh viên biết đặt câu hỏi mà phải dạy họ biết cách trả lời những câu hỏi họ chưa biết sẽ trả lời như thế nào?

i) Dạy cách hệ thống hoá kiến thức

Khối lượng kiến thức phải học càng lớn thì càng phải biết cách sắp xếp chúng thành hệ thống để dễ nắm vững, nhớ chắc. Dạy cho học cách lập bản đồ từng phần trong chương trình môn học, đến toàn bộ giáo trình môn học và các khái niệm ở các giáo trình, tài liệu có liên quan.

Liệt kê các khái niệm, thuật ngữ trong chương phần của giáo trình. Viết mỗi khái niệm vào một mảnh giấy nhỏ, rồi sắp xếp các mảnh giấy lớn, hoặc trên bảng.

Yêu cầu sắp xếp các khái niệm đó theo quan hệ gần xa, dùng bút kẻ những đường liên hệ giữa các khái niệm...

Thảo luận nhóm nhỏ để hoàn thiện bản đồ khái niệm cho hợp lý.

Trình bày kết quả của nhóm nhỏ trước khi nhóm lớn để hoàn thiện bản đồ khái niệm. Giáo viên có thể dùng chính bản đồ của sinh viên để động viên sinh viên trước lớp.

Việc dạy phương pháp học ở trường sư phạm cao đẳng và đại học còn phải chú ý tới đặc điểm riêng của phương pháp học từng môn học, để sinh viên có cách học phù hợp, nên dạy sinh viên tự quản lý việc học bằng cách xây dựng kế hoạch học tập của mình, dạy sinh viên tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập để tự điều chỉnh cách học. Đặc biệt cần chú trọng phát triển năng lực tự học, tự học trước và sau giờ diễn giảng trên lớp, tự học trong giờ thực hành, tham quan thực tế, trong kiến tập, thực tập, trong nghiên cứu khoa học... Để sau khi ra trường họ biết ứng dụng thích hợp vào việc dạy cách học cho học sinh của họ ở trường phổ thông. □

Tài liệu tham khảo

1. GS. TS Trần Bá Hoành, Tài liệu hội thảo tiếp tục nâng cao năng lực đổi mới phương pháp dạy học cho giảng viên các trường đại học cao đẳng sư phạm, Tháng 11 năm 2007.
2. GS. TS Trần Bá Hoành, Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa. NXBDH sư phạm 2007.
3. Nguyễn Hữu Châu – Nguyễn Văn Cường – Trần Bá Hoành – Nguyễn Bá Kim – Lâm Quang Thiệp. Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo giáo viên trung học cơ sở theo chương trình CDSP mới, Dự án đào tạo giáo viên THCS 2007.
4. Geoffrey Petty, Dạy học ngày nay. NXB Stanley Thornes, 1998.
5. Robert Fisher, Dạy trẻ học, Dự án Việt – Bỉ, 2007.
6. Wibert J. McKeachie, Những thủ thuật trong dạy học các chiến lược, nghiên cứu và lý thuyết về dạy học dành cho các giảng viên đại học và cao đẳng, Dự án Việt – Bỉ, 2007.

BÚP SEN XANH -

Tiểu thuyết của nhà văn Sơn Tùng phản ánh sinh động

nguồn gốc cơ bản của đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh

ThS. Cao Văn Thịnh - Khoa KHXH&NV

Độc tiểu thuyết "Búp sen xanh" của nhà văn Sơn Tùng, ta hiểu biết về tuổi thơ, tuổi niên thiếu và tuổi mới trưởng thành của một con người vĩ đại, yêu quý nhất của dân tộc ta - Hồ Chí Minh. Chúng ta càng hiểu rõ gia cảnh, hoàn cảnh lúc Người mới sinh, lớn lên, trưởng thành. Môi trường sống, học tập, trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội. Một môi trường khá đặc biệt để cho những phẩm chất đạo đức, tư tưởng hình thành và phát triển. Chúng ta có thể khẳng định những phẩm chất đạo đức, tư tưởng mà Người được tiếp thu, rèn luyện từ gia đình, quê hương, nhà trường, xã hội là nguồn gốc cơ bản của đạo đức, tư tưởng của lãnh tụ Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới kiệt xuất. Đó là di sản tinh thần vô giá mà Bác để lại cho nhân dân ta, dân tộc ta. Chúng ta cần nghiên cứu, giữ gìn, phát huy, phấn đấu học tập, làm theo tấm gương đạo đức, tư tưởng của Người.

Độc tác phẩm "Búp sen xanh", chúng ta thấy rõ Bác là một con người thực như mọi người Việt Nam khác. Bác sinh ngày 19 tháng 5 năm, tức là ngày 1 tháng 4 năm Canh Dần 1890, tại làng Chùa, (tên chữ Hoàng Trù), xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo. Ông ngoại là thầy đồ Hoàng Xuân Đường dạy chữ nho, bà ngoại Nguyễn Thị Kép làm ruộng, nội trợ, chăm lo mọi việc trong gia đình. Cha là Nguyễn Sinh Sắc, lúc đó còn là nho sinh đang đi học vừa dạy chữ nho, vừa bốc thuốc chữa bệnh; mẹ là bà Nguyễn Thị Loan làm

ruộng, dệt vải. Di Nguyễn Thị An, em mẹ của Người lúc ấy đang thời con gái. Chị gái Người là Nguyễn Thị Thanh hơn Người 6 tuổi và người anh trai Nguyễn Sinh Khiêm hơn Người 2 tuổi. Người được sống trong một căn nhà gỗ lá đơn sơ, cạnh nhà ông ngoại, bốn bên có lũy tre bao bọc che chắn gió mưa.

Những năm đầu tuổi thơ, trong khoảng thời gian (1890 - 1895), Người được chăm sóc, nuôi dưỡng tại làng Chùa. Sau đó, ông Nguyễn Sinh Sắc vào Huế học tập để chuẩn bị thi Hội lần 2, có đưa gia đình gồm vợ và hai con trai nhỏ đi theo; Người được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tại Huế trong khoảng thời gian (1895 - 1900). Sau khi mẹ Nguyễn Thị Loan qua đời, em trai Nguyễn Sinh Nhuận mất, Người được đưa về sống với bà ngoại Nguyễn Thị Kép ở làng Chùa, khi ông Nguyễn Sinh Sắc đỗ Phó bảng, làng Kim Liên cấp ruộng, làm nhà cho thi Người được chuyển về bên nội, đó là khoảng thời gian 1901 - 1904. Khi ông Nguyễn Sinh Sắc buộc phải nhận chức quan Thừa biện Bộ lễ có đưa hai người con trai theo, Người được cha cho theo học Trường Tiểu học Pháp - Việt và sau đó là Trường Quốc học cùng với người anh trai của mình. Tại đây, Người tham gia biểu tình cùng nhân dân chống sưu thuế của Pháp tại Huế. Sau đó, Người vào làm giáo viên Trường Dục Thanh tại Phan Thiết một thời gian. Tiếp theo, Người tìm vào bến cảng Nhà Rồng làm phu khuân vác và lên tàu ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Khoảng thời gian đó tính từ năm 1905 đến tháng 6 năm 1911.

Tác phẩm "Búp sen xanh" chia thời gian thành các phần: tuổi ấu thơ, tuổi thiếu niên, tuổi hai mươi. Trong các phần ấy, nhà văn

Sơn Tùng đã phản ánh rất chân thực, sinh động bối cảnh lịch sử, hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ của Người với ông bà, cha mẹ, anh chị em, họ hàng ruột thịt; những mối quan hệ với những nhà cách mạng, thầy trò, bằng hữu, hàng xóm láng giềng... và những sự kiện, biến cố của cuộc đời. Khi ta tìm hiểu tác phẩm này, dễ tìm ra cái nguồn gốc của đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển, từ một con người trong tuổi ấu thơ, tuổi thiếu niên và tuổi hai mươi mới trưởng thành. Trong các mối quan hệ con người với con người, với truyền thống lịch sử đấu tranh, truyền thống văn hoá của dân tộc và của nhân loại, nó đã tác động đến tình cảm, tư tưởng của Người. Ta càng hiểu thêm nguyên nhân của đạo đức, tư tưởng lại có được ở Người làm cái nguồn gốc, hay nền móng để sau này nó phát triển thêm, đầy đủ, hoàn thiện, vững chắc trở thành tinh hoa của dân tộc, nhân loại. Đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thử thách qua thực tiễn cách mạng, trở thành mặt trời soi sáng, sức mạnh tiềm tàng của mỗi con người, của cả dân tộc ta, vững bước tiến lên thực hiện các mục tiêu của cách mạng và lý tưởng cao đẹp của Đảng ta.

Chúng ta thừa nhận, các nhân vật trong tác phẩm "Búp sen xanh" là những nhân vật có thật. Các nhân vật có thật được tác giả Sơn Tùng xây dựng thành các nhân vật văn học có đời sống tình cảm, tư tưởng, với các hoạt động như con người thực ngoài đời. Người đọc đồng sáng tạo với nhà văn, tái hiện ở trí óc mình mỗi một con người trong hoàn cảnh sinh động nhất định với các mối quan hệ xã hội như đã từng xảy ra. Qua các nhân vật ấy, ta có thể nhìn nhận, đánh giá đúng đắn những tư tưởng, tình cảm và những hành vi của họ đã tác động tới nhân vật Nguyễn Sinh Côn (bé Côn, Nguyễn Tất Thành) tên gọi thời thơ ấu, thời niên thiếu, tuổi thanh niên lúc mới trưởng thành của lãnh tụ Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Một lãnh tụ thiên tài, một danh nhân văn hoá không thể bỗng dưng xuất hiện, nó phải là kết quả của một sự giáo dục, đào tạo trong một môi trường văn hoá, trong bối cảnh lịch sử đấu tranh của quê hương, đất nước. Nó phải là sự kết tinh từ tư chất, thiên hướng, ý chí phấn đấu, tài năng của cá nhân con người. Bác Hồ của chúng ta, ngoài ba mươi tuổi đã trở thành lãnh tụ cộng sản tâm cỡ quốc tế, sau này trở thành Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới cũng là kết quả của sự giáo dục, đào tạo, của gia đình, nhà trường xã hội, trong môi trường văn hoá, hoàn cảnh lịch sử đặc biệt Việt Nam và thế giới; cũng là sự kết tinh những phẩm chất đạo đức, tư tưởng, ý chí, tài năng của chính cá nhân, thông qua sự tự học, rèn luyện, phấn đấu liên tục của bản thân.

Trước hết, ta phải xét về nguồn gốc gia đình, ông bà, cha mẹ, những người thân thiết ruột thịt, những người đã trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, đào tạo bé Côn (Nguyễn Sinh Côn, Nguyễn Tất Thành). Cái nôi đầu đời tại làng Hoàng Trù và làng Kim Liên, cậu bé Côn sống trong khoảng gần 10 năm: từ 1890 đến 1895 và từ đầu năm 1901 đến 1904. Bé Côn được sinh ra, nuôi dưỡng, giáo dục trong gia đình nhà nho nghèo. Đó là đặc điểm riêng, khác biệt, ưu việt đối với bé Côn. Những tư chất thông minh bẩm sinh, di truyền từ các ông bà, cha mẹ là điều đáng quý, nhưng chỉ được phát triển, hoàn thiện trong sự giáo dục, đào tạo, trong sự nỗ lực học tập, rèn luyện của bản thân để đáp ứng với môi trường sống của con người yêu cầu của xã hội. Nếu tính từ nguồn cội, thì phải kể đến công lao của cụ Hoàng Xuân Đường, cụ Nguyễn Thị Kép, (Ông bà ngoại của Bác) hai cụ vừa có công nuôi dưỡng, giáo dục ông Nguyễn Sinh Sắc, bà Hoàng Thị Loan (cha mẹ của Bác) và tác thành cho hai người thành vợ chồng. Cụ Hoàng Xuân Đường là nhà nho mẫu mực, cụ không đỗ đạt cao nhưng đức trọng. Khi bé Côn mới lên ba, đang tập nói thì cụ qua đời, những ảnh

hưởng trực tiếp từ cụ tới bé Côn còn mờ nhạt. Nhưng hình bóng tư tưởng, tình cảm của cụ lại truyền sang người cha, những người thân yêu trong gia đình tác động đến Người. Cụ Nguyễn Thị Kép là người mẹ, người bà đáng kính, có công nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục ông Nguyễn Sinh Sắc từ năm 10 tuổi, yêu quý con cháu nhất mực đã ba lần bán ruộng cho con rể đi học đi thi, có công chăm sóc, dạy dỗ các cháu, nhất là khi con gái qua đời. Những tác động giáo dục của bà đến các con, các cháu là nuôi dưỡng, hun đúc ý chí học hành, tinh thần đấu tranh cứu nước, dạy dỗ các con cháu ý tứ trong cư xử với người, sống nề nếp, lễ phép, đức độ, vị tha, thương yêu con người. Những ảnh hưởng của bà tới nhân cách của Nguyễn Sinh Côn - Nguyễn Tất Thành là rất lớn, những mặt ưu điểm của cụ, đã được người cháu tiếp nhận, duy trì nó trong đời sống thường ngày. Bà Hoàng Thị Loan mẫu thân của Người dưỡng dục con trong một thời gian hơn 10 năm. Bà cũng những đức tính quý báu như cụ Kép và cũng tác động đến bé Côn, tạo cho bé Côn những đức tính tốt đẹp như kiên trì, chịu đựng, vượt khó khăn, tính tự chủ, thương yêu bạn bè, quý trọng người trên, giữ gìn danh dự, lời ăn tiếng nói, kính yêu ông bà, cha mẹ, anh chị em...

Ảnh hưởng lớn nhất tới bé Côn - Nguyễn Tất Thành là từ ông Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ của Người. Ông là người thông minh, có nghị lực, học vấn, tư cách cao thượng, yêu nước thương dân. Một trí thức lớn đã đề ra phương châm sống cho mình: "thượng y y quốc, trung y y dân" trong bối cảnh nước mất, dân nô lệ. Một trí giả phát hiện ra những mặt hạn chế của các nhà cách mạng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, trong các phương lược cứu nước, phát hiện vấn đề về thời vận, biết cương, biết nhu, biết giữ khí tiết, nhân cách trong mọi hoàn cảnh. Mặc dù cụ chỉ nhận mình là người "trung y y dân" (thầy thuốc bậc trung chữa bệnh cho dân) nhưng chỉ một câu nói trong một buổi bình

văn tại Huế: "Quan trường thì nô lệ trung chỉ nô lệ hựu nô lệ" (Quan trường là nô lệ trong đám dân nô lệ nên càng nô lệ nhất) cũng đã trở nên người" thượng y y quốc" (thầy thuốc bậc cao chữa bệnh cho nước) rồi. Hay trong một lần đàm đạo với Phan Bội Châu trước khi Phan Bội Châu lên đường Đông du sang Nhật cụ nói: "Vọng ngoại tất vong" (trông chờ vào bên ngoài tất thất bại) đó là bài học xương máu cho mọi người, mọi nhà, mọi thời đại...

Đặc biệt ông rất quan tâm giáo dục các con trai, dành sự quan tâm lớn tới Nguyễn Sinh Côn - Nguyễn Tất Thành. Khi mới sinh, ông ngoại đặt tên cho con trai là Côn, tên một loài cá hoá chim bằng, "có chi vây bốn bề, dù gặp truân chuyên chim nổi nhưng ắt thành công". Đó chỉ là ước mơ của ông ngoại Hoàng Xuân Đường, của người cha - ông Nguyễn Sinh Sắc, nhưng để đạt được, những người ươm hạt giống phải chăm chút, vun sới cho thành hoa, thành quả. Ông Nguyễn Sinh Sắc rất mừng thấy bé Côn thông minh, trí nhớ tốt, hay xét đoán, có thiên tư khác thường. Trong khoảng 19 năm bé Côn - Nguyễn Tất Thành được sống gần cha, được cha trực tiếp chăm sóc, dạy dỗ, nuôi chí cứu dân cứu nước. Sau đó, vào tuổi trưởng thành Nguyễn Tất Thành còn được gặp cha ba lần, một lần ở Bình Khê, nơi ông Nguyễn Sinh Sắc là quan tri huyện, hai lần ở Sài Gòn, hai lần ông đều nhắc nhở con, mục tiêu cứu nước cứu dân. Coi việc cứu nước, cứu dân là trên hết. Những lời của ông cũng giống lời của ông Nguyễn Phi Khanh tại cửa ải Nam Quan đầu thế kỷ thứ XV. Khi nước ta bị giặc Minh xâm lược, bắt ông lưu đày sang Trung Quốc, ông đã nhắc nhở Nguyễn Trãi rằng, con có hiếu với cha phải tìm đường cứu dân cứu nước. Ông Nguyễn Sinh Sắc cũng vậy, nhắc nhở con: "Nước mất, con lo tìm đường cứu nước", lần cuối cùng ông thúc dục: "Con đừng gọi cha lúc này, con phải gọi Tổ quốc! Đồng bào! Đi...đi con!"

Để thực hiện chí lớn cứu nước cứu dân, con người phải có tài năng thực sự, có kế sách, mưu lược, có đạo đức lớn, để thu phục nhân tâm, biết chọn thời cơ, nắm bắt được các quy luật phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội để chỉ đạo, điều hành dân chúng...Nghĩa là phải đóng vai trò một lãnh tụ có những đóng góp có tính chất quyết định cho thắng lợi của dân tộc, của nhân dân. Ông Nguyễn Sinh Sắc phát hiện ở bé Côn - Nguyễn Tất Thành trí thông minh, có ý chí, đức hạnh, lại có hoài bão lớn đã dày công nuôi dưỡng, giáo dục con trở thành nhân tài, có nhân cách lớn. Nếu đem so sánh với Nguyễn Trãi, thì tuổi thơ của ông được ông ngoại Trần Nguyên Đán, một người nguyên là tể tướng, một nhà văn hoá rèn cặp và cha là tiến sỹ Nguyễn Phi Khanh trực tiếp dạy dỗ, nên tài năng, nhân cách mới phát triển hoàn thiện đầy đủ, đẹp đẽ như thế; Bác của chúng ta, được cha mình chăm sóc dạy dỗ trực tiếp, các nhà giáo là những người có tư tưởng tiến bộ, có bản lĩnh, tài năng như thầy vương Thúc Quý, Lê Văn Miên...giáo dục, đào tạo nên sớm có đạo đức, tư tưởng cao quý như vậy. Đó là nét tương đồng về điều kiện giáo dục, để hai con người phát triển thành Anh hùng dân tộc và Danh nhân văn hoá kiệt xuất của dân tộc và của nhân loại.

Có một người cha, người thầy tài năng, đức hạnh là một điều hạnh phúc lớn, hiếm có trong một đời người. Ông Nguyễn Sinh Sắc, tuy chỉ có học vị Phó bảng nhưng tư tưởng, nhân cách rất lớn. Ông Đào Tấn là quan thượng thư, tổng đốc; các ông Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đặng Thái Thân là bạn, là các nhà cách mạng dân tộc, các trí thức lớn Tây học, nho học đều nhất mực quý trọng, kính phục tài năng, nhân cách của ông Phó bảng xứ Nghệ. Biết con mình có thiên tư khác thường, ông càng gần gũi, định hướng chọn đường đi đúng, nhất là việc học, trang bị những kiến thức cơ bản, cần thiết cho con đi tìm đường cứu nước và cho suốt

cuộc đời hoạt động cách mạng. Cho con đi học tiếng Pháp, ông căn dặn: "học chữ Tây là học cái tinh hoa của người Pháp; nhưng quyết không để lũ quỷ trắng để đầu cưỡi cổ dân mình". Học với mục đích cao cả là làm nhiệm vụ cứu nước cứu dân, chứ không phải ra làm quan. Cho nên ông cho cả hai con học trường tiểu học Pháp - Việt và sau đó là Trường Quốc học. Khi tâm sự với con, lần cuối, ông đã nói ra những điều gan ruột, ông cho rằng: "Tổ quốc là tài sản thiêng liêng nhất của mọi người dân", nên phải đấu tranh giải phóng dân tộc bảo vệ nền độc lập, cứu muôn dân thoát khỏi ách áp bức bóc lột của kẻ ngoại bang. Ông còn nói ra cả những điều sâu xa nhất: "Cha ngẫm thấy từ khi lập quốc tới giờ, ở đất nước mình có rất nhiều anh hùng dân tộc chống giặc ngoại xâm, cứu nước vô cùng oanh liệt mà chưa có vị anh hùng nào vừa cứu được nước thoát khỏi nô lệ vừa đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân". Ông nêu câu hỏi để cho con suy nghĩ: "Nước độc lập mà chắc gì dân có hạnh phúc, có cơm ăn, áo ấm hả con?" Ông gửi niềm tin son sắt ở con: "Con nhìn cha xem. Mắt cha chỉ còn lại niềm tin đợi chờ nước độc lập, dân hạnh phúc."...

"Búp sen xanh" đã xây dựng thành công nhân vật bé Côn - Nguyễn Tất Thành, từ lúc mới sinh đến lúc trưởng thành ra đi tìm đường cứu nước. Tác giả đã phản ánh một cách trung thực, đầy đủ, sinh động quá trình hình thành và phát triển về các mặt đạo đức, tư tưởng, tài năng của Nguyễn Tất Thành như nó vốn có. Trở nên nguồn gốc hay nền móng cho sự phát sinh, phát triển nhanh mạnh, toàn diện, vững chắc thành tinh hoa của dân tộc và nhân loại. Đọc sách chúng ta thấy bé Côn - Nguyễn Tất Thành có "thiên tư", "trí nhớ" khác thường, trí thông minh, óc "xét đoán" thật tuyệt vời. Tất Thành lại có đức tính chịu thương chịu khó, vâng lời, lễ phép với người trên, kính yêu ông bà, cha mẹ, thầy giáo, quý mến anh, chị, em, bạn bè, giúp đỡ người nghèo đói. Tác giả tập

trung miêu tả quá trình học tập, tu dưỡng, nung nấu ý chí cứu nước, cứu dân của Tất Thành trong bối cảnh lịch sử dân tộc ta, đất nước ta bị thực dân Pháp xâm lược, đang nằm trong đêm trường nô lệ, tưởng như không có đường ra.

Bé Côn ra đời trong bối cảnh nước mất, các phong trào chống Pháp, các cuộc khởi nghĩa bị thực dân đàn áp dã man. Việc cứu nước, cứu dân đang là một yêu cầu cấp bách, một thử thách đối với bất kỳ ai là người Việt Nam còn có tinh thần yêu nước, thương dân. Trong hoàn cảnh đó, Tất Thành được sự tác động trực tiếp của các nhà yêu nước như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đặng Thái Thân... của gia đình, quê hương, đất nước, đặc biệt là tác động từ lòng yêu nước của người cha, lúc nào cũng trăn trở, canh cánh một niềm cứu nước, cứu dân. Truyền thống yêu nước, thương dân ấy đã truyền sang Thành biến thành ngọn lửa bốc cháy trong tim, hun sôi dòng máu, nhiệt tình cứu nước, cứu dân.

Những ảnh hưởng tích cực của lòng yêu nước thương dân, từ gia đình, nhà trường, xã hội đã phát sinh lòng yêu nước thương dân ở con người Tất Thành. Lại từ những nhận thức về các con đường cứu nước trong thực tiễn, do cha ông ta thực hiện, Tất Thành có suy xét rất kỹ càng, coi việc đó là "vô cùng trọng đại" không thể coi nhẹ, xem thường. Thành học chữ nho đã tiếp thu những tư tưởng cách mạng của phương Đông, của các nhà yêu nước Việt Nam. Khi nói với cha mình về mục đích của Hội Duy Tân của Phan Bội Châu bằng hình thức chơi chữ Hán là Rút ruột vua (bỏ nét sổ trong chữ vương) biến thành chữ tam, theo chủ nghĩa tam dân của Tôn Trung Sơn: "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc." Hay: "Chém đầu Tây (bỏ nét đầu trong chữ tây) thành chữ tử, theo quan niệm tử chứng giai huynh đệ là bốn màu da: vàng, trắng, đen, đỏ của bốn phương trời là anh em. Tất Thành còn ở tuổi thiếu niên đã có suy xét rất riêng, không tán

đồng phương pháp các mạng của các nhà Đông du về công cuộc cứu nước: "dựa vào ngoại viện để cứu nước nhà". Từ việc chữ Hán, Tất Thành cũng tiếp nhận những tinh hoa tư tưởng đạo đức của Phật giáo, của Nho giáo, đạo đức truyền thống dân tộc ta: vị tha, nhân tử, cứu khổ cứu nạn, triết lý hành động, nhập thế tích cực, hành đạo giúp đời, hay cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, đặc biệt là tinh thần xả thân cứu dân, cứu nước...

Nhiều giá trị đạo đức, tư tưởng cao đẹp của dân tộc, của nhân loại lại tác động trực tiếp tới bé Côn - Nguyễn Tất Thành bằng tiếng mẹ đẻ - tiếng Việt. Đó là lời ăn tiếng nói của ông bà, cha mẹ, anh chị, những người thân quen, từ những làn điệu dân ca, xứ Nghệ, xứ Huế, xứ Quảng, Nam Bộ... Tư tưởng, đạo đức, văn hoá dân tộc đã thấm dần vào con người Tất Thành, đọng lại, kết tinh theo tháng năm lịch sử của cuộc đời. Tiếng Việt văn hoá đã trở thành năng lực trí tuệ trong con người Nguyễn ái Quốc - Hồ Chí Minh sau này. Vốn tiếng Việt của bé Côn - Nguyễn Tất Thành thu nhận được rất sắc sảo, tinh tế, đậm đà bản sắc riêng thể hiện trong lời nói, lời thơ trong sáng, hàm xúc, ngọt ngào giọng điệu quê hương, xứ sở thể hiện sinh động ở một con người thông qua các hành động nói năng của nhân vật chính này trong tác phẩm.

Nếu chỉ có vốn tiếng Việt, chữ Việt, bao gồm chữ Quốc ngữ và cộng vốn chữ Hán cũng chưa đủ làm nên con người Tất Thành tìm ra con đường cứu dân, cứu nước. Từ một ý nghĩ của cụ Nguyễn Sinh Sắc, bắt nguồn từ lịch sử dân tộc ta, các đời ông cha đã học chữ Hán để đánh đuổi giặc phương Bắc, bảo vệ đất nước, dân tộc giống nòi, gây dựng cơ đồ. Cụ đã cho cả hai con trai theo học tiếng Pháp ở Trường Tiểu học Pháp - Việt, sau đó học ở Trường Quốc học, thực chất là: "Trường Quốc học chữ Pháp, nghĩa là Trường học của nước Pháp dạy tiếng Pháp, đào tạo con người làm việc cho nước Pháp, ở ngay

trên xứ thuộc địa của nước Pháp." Nhưng truyền thống kinh nghiệm lịch sử dân tộc đã giúp cho Tất Thành thấy được ý nghĩa quan trọng của việc học tiếng Pháp, chữ Pháp. Học để cứu nước, cứu dân, học để tìm đường giải phóng đất nước, chống lại kẻ thù xâm lược đã thúc dục anh tiến lên phía trước.

Tiếng Pháp, chữ Pháp đã giúp cho Tất Thành sáng hai con mắt, sáng niềm tin, biến nó thành vũ khí chiến đấu chống lại kẻ thù, bảo vệ mình, tạo được thanh thế, uy tín cho mình. Thông qua tiếng Pháp, chữ Pháp, giúp cho Tất Thành nhận thức sâu xa về chế độ thực dân Pháp, xã hội Pháp đặc biệt là văn hoá Pháp, nền văn minh phương Tây. Từ những hiểu biết ban đầu về xã hội Pháp, thông qua sách văn học như " Không gia đình", của Ec-tơ Ma- lơ, " Những kẻ khốn nạn" của Vích to Huy-gô... anh hiểu về xã hội, về giai cấp cần lao; thông qua lịch sử anh hiểu biết về những nhà tư tưởng như Mông-tê-tê-ni, Rút-xô, Vôn-te và Công-đoóc-xê... Họ đã đề xướng ra Tự do, Bình đẳng, Bác ái, đã đấu tranh đòi dân quyền cơ bản về con người - Nhân quyền". Khi đi học Trường Quốc học được tiếp xúc với thầy Lê Văn Miên, một người thầy Tây học, nhưng yêu nước, tiến bộ thầy đã có lời tâm sự với Thành: "Nước mất mà không biết là bất trí, biết mà không cứu nước là bất trung, chiến đấu mà không quên mình vì nước là bất dũng." Khi học lịch sử Pháp, được các giáo viên người pháp dạy, Tất Thành dần dần hiểu lịch sử nước Pháp, nước Pháp thời đại cách mạng 1789, cơ cấu xã hội, các giai cấp, các tôn giáo, những người thuộc giai cấp thứ dân, bản cùng nghèo khó... Anh cũng chưa hiểu về đại cách mạng Pháp 1789 đặt ra câu hỏi: " Những nhà cách mạng Pháp (1789) đã dấy động dân chúng Pháp đánh đổ bọn thống trị tàn bạo, đặc quyền đặc lợi, giải phóng con người, xác lập quyền cơ bản của con người mà quyền tự do là trên hết, sao dân chúng Pháp vẫn còn " Những kẻ khốn nạn", những kẻ "Không gia

đình" ? Học tiếng Pháp, chữ Pháp hiểu biết về lịch sử dân tộc Pháp, nước Pháp, bọn thực dân Pháp, cùng với bài học kinh nghiệm lịch sử của dân tộc trong quá khứ và cả những bài học hiện tại đã giúp cho Tất Thành tìm ra hướng đi, đường đi cứu nước, cứu dân đúng đắn nhất.

Được đi học, được hiểu biết không phải ra làm quan, Tất Thành đi học để thực hiện ước mơ cứu nước cứu dân. Các cuộc khởi nghĩa, các cuộc cách mạng đã bị thực dân Pháp đàn áp dã man; nhiều lãnh tụ, nhiều người yêu nước bị chúng giết, bị chúng lưu đày. Nhưng những cuộc đấu tranh của nhân dân ta vẫn liên tiếp nổ ra bất chấp súng gươm. Cuộc đấu tranh của nhân dân Thừa Thiên - Huế đã diễn ra tại thành Huế với hình thức tập trung, biểu tình đòi giám sát thuế. Tất Thành đã tham gia, cuộc biểu tình bị thực dân Pháp đàn áp dã man, nhiều người bị cảnh sát truy đuổi, trong đó có Thành. Do sự phản đối của các thầy Trường Quốc học chúng ngừng tay nhưng yêu cầu Thành "tự thú", Thành từ chối "đặc ân", không muốn ôm cái ghế Trường Quốc học. Thành noi gương khí tiết của vị vua yêu nước Thành Thái không chịu "tự thú", đặt ra câu hỏi lớn: "Tổ tiên ta đã dám đánh thắng kẻ thù dân tộc lớn mạnh gấp bao nhiêu lần, lẽ nào ngày nay lại không có ai dám đương đầu với quân Pháp cường bạo?" Câu trả lời bằng hành động của Thành là quyết chí ra đi.

Tất Thành rời Huế, đi về phương Nam đến Bình Định có ghé thăm cha đang là tri huyện Bình Khê, sau về dạy học ở trường Dục Thanh thuộc Phan Thiết, tìm đường vào bến Nhà Rồng- Sài Gòn làm nghề phụ khuân vác, lên tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin làm nghề phụ bếp để tìm đến nước Pháp. Khoảng thời gian là hơn ba năm. Nguyễn Tất Thành mới ở tuổi thanh niên. Nghề dạy học, giúp Thành có tư thế chững chạc, đào sâu kiến thức, gần gũi các em học sinh, gần dân, thấu hiểu hoàn cảnh cùng cực của những người bị áp bức, của dân nghèo. Anh

đã cùng học trò làm những việc tốt như tắm giặt cho trẻ nhỏ, khuyên răn các em, nhai trầu giúp người già, đồng thời chỉ cho học sinh ý nghĩa của việc học: "Chúng ta học cái chữ để biết được điều hay lẽ phải trên đời... học để biết và làm được những việc ích nước lợi dân.". Khi làm phu khuân vác ở bến Nhà Rồng, Tất Thành có điều kiện hiểu biết về thành phố Sài Gòn thuộc xứ Nam Kỳ tự trị, sự áp bức bóc lột của bọn tư bản thực dân, hoàn cảnh, tâm tư, nếp sống của những người thợ thuyền. Anh bắt đầu có ý thức mở mang kiến thức cho thợ thuyền bằng cách dạy cho họ học chữ, tuyên truyền, giác ngộ cho họ về ý thức dân tộc, về sự đoàn kết đấu tranh, ý thức về giai cấp mình. Anh đã hoà mình vào đời sống chung của những người thợ, tạo được tình cảm thân thiết, trong sáng, thủy chung trong mỗi người, nhất là tình cảm thương yêu cao đẹp của Lê Thị Huệ dành cho anh và của anh dành cho Lê Thị Huệ - người con gái Sài Gòn mà anh thương mến. Vậy là hướng đi về phương Nam, chứng tỏ Tất Thành có ý chí, lý tưởng, đã suy nghĩ là hành động, đã nói là làm, đã tạo niềm tin cho chính người cha thân yêu. Khi lần cuối cùng đến thăm cha và cũng là lần từ biệt, ông đã nói với người con yêu quý rằng: "Cha định ninh sẽ có ngày con ra đi". Lần ấy, khi tâm sự với con, ông như muốn kiểm tra nhận thức, chỉ hướng, động cơ việc ra đi tìm đường cứu nước của con mình và ông rất tin tưởng vào con mình, còn "gia vốn" cho con, khuyên con làm hai việc lớn là giành độc lập cho nước và đem hạnh phúc cho nhân dân. Chỉ hướng ấy, chỉ được thực hiện khi Tất Thành có đầy đủ vốn tri thức cần thiết, chọn thời cơ, tìm ra phương tiện, cách thức ra đi biến ước mơ, niềm tin cứu nước, cứu dân của mình của mọi người thành hiện thực.

Mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội đều có nguồn gốc. Đạo đức, tư tưởng là lĩnh vực tinh thần cũng có nguồn gốc. Đạo đức, tư tưởng và cả năng lực thiên tài của Hồ

Chí Minh cũng có nguồn gốc. Tất cả đều được phát sinh, phát triển, từ sự ảnh hưởng, tác động của các nhân tố giáo dục, đào tạo của gia đình, nhà trường, xã hội và từ sự tự học tập, tu dưỡng không ngừng của bản thân. Tác phẩm "Búp sen xanh" đã phản ánh chân thực, sinh động, cụ thể, cảm xúc trong sự phát sinh, phát triển, rất nhất quán về đạo đức, tư tưởng của Nguyễn Tất Thành. Trong đó, các yếu tố văn hoá, lịch sử, giáo dục được tập trung biểu hiện rất rõ ràng, sinh động. Qua từng phần, từng mục, bằng ngôn ngữ nghệ thuật hàm xúc, tinh tế tác giả Sơn Tùng đã xây dựng thành công nhân vật chính Nguyễn sinh Côn - Nguyễn Tất Thành gắn với hoàn cảnh lịch sử cụ thể, gắn với sự giáo dục, đào tạo của gia đình, nhà trường, sự tác động dữ dội của xã hội Việt Nam đương thời và cả thời đại. Nhưng nhân tố chủ yếu vẫn là sự giáo dục của chính gia đình, trực tiếp từ ông bà, cha mẹ, đặc biệt từ người bà, người mẹ và nhất là từ người cha thân yêu đã làm nền móng cho sự phát sinh, phát triển về tri tuệ, tài năng, đạo đức, tư tưởng của Hồ Chí Minh. Riêng về đạo đức, tư tưởng bao gồm lòng trung với nước hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; lòng thương người, tình cảm quốc tế coi con người năm châu bốn biển là anh em, hay tư tưởng cứu nước giành quyền độc lập, cứu dân khỏi ách nô lệ, mưu cầu hạnh phúc cho dân, phương lược đấu tranh chống giặc ngoại xâm, xây dựng chế độ mới, trong đó dân là chủ, người cầm quyền là người đầy tớ trung thành của dân đã phát sinh, hình thành trong con người Nguyễn Tất Thành. Về sau, những đạo đức, tư tưởng ấy được bổ sung thêm phát triển rực rỡ thành hệ đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng những vấn đề trên, chính là nguồn gốc cơ bản của đạo đức, tư tưởng Hồ Chí Minh được biểu hiện rất chân thực, sinh động trong nhiều trang của "Búp sen xanh" mà tác giả Sơn Tùng đã có công tái hiện, sáng tạo. □

Trữ lượng thông tin trong các truyện ngắn của TRIỆU HỒNG

(Nhân đọc "Đất văn vật" - tập truyện ngắn chọn lọc của Triệu Hồng - NXB Hội Nhà văn, 10/2007)

Nguyễn Đình Vỹ -

(Nguyên Phó chủ nhiệm Khoa Văn Sử, Trường CDSP Phú Thọ)

Ái đã từng gần gũi với Triệu Hồng đều có chung một cảm nhận: Triệu Hồng (Cao Văn Thịnh), giảng viên Ngữ văn Trường ĐH Hùng Vương, con người chân chất, dễ hoà nhập, sống có "TÂM", chân thành, mộc mạc. Con người luôn trăn trở trước cuộc đời với nhiều khát vọng văn chương và sự nghiệp "trồng người". Nếu "văn là người" thì văn chương Triệu Hồng (T.H) đúng là thế! Hơn chục năm qua, dường như tôi đã đọc hết những sáng tác thơ văn của T.H lại càng thêm quý mến anh.

Văn thơ T.H dễ đọc mà thấm đượm khó quên, thuộc dạng Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn Bình, Ngô Tất Tố, Nam Cao... Các truyện của T.H ít sự bứt phá, gai góc, bạo liệt... cảm giác hồn nhiên, tươi tắn như dòng sông, con suối chảy êm đềm lúc ban mai. Ấy mà nhiều truyện lại ẩn chứa những con sóng ngầm dữ dội muốn hất tung lên, ào ạt, xô bờ, cuốn phăng đi tất cả những gì cũ kỹ, rác rưởi, những gì cản trở, cất chia... để biển trời lại xanh tươi, bát ngát. Thành công nhất vẫn là "Người đàn bà họ Hoàng" in trên Báo Văn nghệ, một truyện đặc sắc, ở chóp đỉnh cao của anh về nội dung tư tưởng và nghệ thuật xây dựng tình huống, kết cấu, tính cách nhân vật điển hình và ngôn ngữ giọng kể. Truyện này đã được Hội Nhà văn đánh giá cao trong thời kỳ đầu đổi mới. 21 truyện khác trong tập đều xứng với tên "truyện ngắn chọn lọc" của anh. "Đất văn vật" hướng tới khá nhiều đề tài của cuộc sống chúng ta. Ở đó, người đọc nhận ra một T.H xông xáo, trăn trở, giàu vốn sống, có đôi mắt tinh đời. Như nhà văn Raxun Gamzatốp đã từng khuyên các nhà văn trẻ: "Đừng nói trao cho tôi đề tài, hãy nói trao cho tôi đôi mắt". Điều quan trọng và đáng nói T.H đã có "đôi mắt"

sáng ấy, đã làm chủ được các đề tài thể hiện trong sáng tạo các hình tượng nghệ thuật của mình.

Cho dù T.H đã mượn xưa nói nay, ôn cố tri tân hay kể chuyện thời hiện tại đang diễn ra hàng ngày hàng giờ, tựu trung chỉ để gửi vào văn chương những "lát cắt" của nỗi lòng, tâm trạng trăn trở, bức xúc trước những số phận cuộc đời với ước mong, hy vọng, tin yêu vào tương lai cuộc sống ngày càng tốt đẹp, hạnh phúc hơn. Chính vì thế, cái "TÂM" của anh cứ bùng sáng trong mỗi trang văn. Nhiều khi lại thấy loé sáng làm cho người đọc nắm bắt ngay được những tầng ý nghĩa sâu xa. Có thể nói trữ lượng thông tin trong các truyện ngắn của T.H phong phú, đa chiều được biểu hiện sinh động qua tình huống truyện, tâm lý, tính cách nhân vật, sự đồng hiện, ngụ ngôn hoặc triết lý nhân sinh. Với 22 truyện ngắn chọn lọc, trong 300 trang sách, T.H đã cho chúng ta hiểu thêm về lịch sử hào hùng của dân tộc thời các vua Hùng dựng nước, khẳng định những di sản văn hoá tâm linh miền đất Tổ, cội nguồn (Huyền thoại mưa rửa đền, Đền thăm kinh đô Văn Lang), ngợi ca những tấm gương yêu nước, bảo vệ dân lành của đức Kiều Thuận, Ma Xuân Trường, Đê Thám, Đê Kiều (Thiêng liêng lời thề, Thiều cao đại); phê phán mạnh mẽ những sai lầm đến đau lòng của một thời quá khứ cải cách ruộng đất, một thời mà bệnh duy ý chí, ngu dốt đã làm huỷ hoại những di sản văn hoá tinh thần và vật chất của truyền thống dân tộc (Đất văn vật, Người đàn bà họ Hoàng). Thế mạnh của T.H là những truyện về đề tài chiến tranh, người lính. Bởi anh là người trong cuộc tham gia nhiều mặt trận, nhiều chiến trường. Những truyện (Đêm hy vọng, Hồn thiêng) là những truyện xúc động nhất

nói về sự hy sinh và khát vọng của những người phụ nữ mất chồng, con trong chiến tranh không gì có thể bù đắp được như mẹ Thư, chị Lam.... T.H ca ngợi tình quân dân cả nước đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta trong cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ (Thương nhớ khôn nguôi, Đờ Cát, my sống rồi, *Liên của tôi*); các bà mẹ như mẹ Lập, thím Nhân, Má Hùng đã yêu thương bộ đội như con đẻ của mình, nuôi dưỡng bộ đội lúc ốm đau, lúc bị thương để họ khoẻ mạnh tiếp tục chiến đấu lập công. Anh cũng phê phán cả những sai lầm không đáng có trong chiến trận để bộ đội hy sinh, thương vong (Bạn cũ, ác mộng, Nỗi đau). Những truyện trên, anh còn khẳng định phẩm chất đáng quý của anh bộ đội Cụ Hồ với nhiều chi tiết cảm động. Về cuộc sống hôm nay, truyện của T.H còn có những thông tin bức xúc trước hiện trạng xã hội đang tồn tại những cán bộ quan liêu, tham nhũng, những kẻ dốt nát hại dân; những thanh niên hư hỏng, bụi đời; những kẻ lừa lọc nham hiểm; mà ta gặp họ trong các truyện (Anh Mai, Ngoài vòng, *Hố bom giết người...*)

T.H là nhà giáo - chiến sỹ, nhiều truyện gần với anh, như là kể về con người anh vậy. Các nhân vật như Quân, Liên, Hùng, Thịnh đều là người lính chiến đấu trực tiếp tiến công kẻ thù và sau trở thành các nhà giáo mẫu mực, thanh cao có nhiều cống hiến, hy sinh nêu một tấm gương sáng trong chiến đấu, học tập, công tác, sống trung thành, thuỷ chung, nhiều kinh nghiệm trong giáo dục để lại những ấn tượng tốt đẹp trong tâm trí người đọc (Cái xe đạp cộc cạch, *Bạn cũ*, *Thương nhớ khôn nguôi*, *Liên của tôi*).

T.H khá thành công với nhiều truyện có độ nén chặt (Đêm hy vọng, *Hồn thiêng*, *Nỗi đau*, *ác mộng...*). Một số truyện tỏ ra thông minh và sắc xảo trong việc lựa chọn những chi tiết đắt giá, điển hình đọng lại trong lòng bạn đọc nổi ám ảnh, khắc sâu ấn tượng không thể phai mờ. Ví như truyện "Đất văn vật", chi tiết quả hồng chín mọng trong lòng bàn tay trẻ non tơ tan biến đi trong giấc mơ của Đông như một dự báo về sự mất mát của

thế hệ tương lai, khi mà làng quê anh đã không còn là đất văn vật nữa. Hoặc chỉ một chi tiết nhỏ, anh bộ đội cầm nhầm cái bát lửa Trung Quốc của gia đình nơi đóng quân mà người chiến sỹ ấy cứ áy náy về lỗi lầm, khi chiến đấu ở chiến trường B rồi tìm cách nhờ người trả lại và viết thư xin lỗi.... Chính những chi tiết ấy đã nâng tầm ý nghĩa của truyện lên tầm cao về tư tưởng chủ đề và cũng thể hiện mức độ thành công của các truyện ngắn.

Truyện của T.H là cái "TÂM" của anh hội tụ ở cái nhìn, cách nghĩ, độ rung cảm của con tim. Đó là cái gốc, tạo nên điểm mạnh truyền cảm nhưng đôi khi lại bộc lộ cái hạn chế của tác phẩm. Cũng bởi "Bối chừng hay ghét cũng là hay thương". Ví như anh ca ngợi tình mẹ con, đạo lý muôn thừa của người Việt Nam với một truyện khá hay "Tình mẫu tử" trong cách sáng tạo mang tính ngụ ngôn. Nhưng lại cực tả trong truyện "Kiếm sống", qua cái chết bi thảm của cậu bé Đường, có vẻ như là tác giả của truyện đã cường điệu lên chăng? Nhìn chung nhiều truyện trong "Đất văn vật" khá đặc sắc, đỉnh cao là truyện "Người đàn bà họ Hoàng"; còn vài ba truyện tốc độ phát triển còn chậm, độ nén chưa cao, kết cấu còn rườm rà, lời kể còn dènh dàng, có cảm giác chữ nghĩa dường như tuôn theo dòng chảy ào ạt của cảm xúc một cách tự nhiên....

Nếu "Qua giọng hát, anh nhận ra người hát", "Qua nét khắc, anh nhận ra người thợ bạc", thì điều quan trọng là qua tập "Đất văn vật", bạn đọc đã nhận ra một T.H mà những trang viết đã ghi dấu ấn của tâm hồn và bút pháp của riêng anh. Trên bình diện thông tin, đọc "Đất văn vật" của T.H ta còn nắm được nhiều mảng về đề tài về lịch sử, về chiến tranh, về quá trình dựng xây đất nước, về văn hoá và về cuộc sống con người nhiều sắc màu, nhiều vẻ hôm nay. Nhưng cái may mắn hơn chúng ta còn được hiểu thêm về đất nước, con người miền Đất Tổ - Phú Thọ rất đổi thân thương mà người Việt Nam ta đi đâu, ở đâu ai cũng tha thiết nhớ về. □